

Số: 160 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 22 tháng 04 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 04 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 398/GPMT-UBND ngày 06 tháng 03 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Công ty TNHH đầu tư Trang trại Xanh 1;

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty TNHH đầu tư Trang trại Xanh 1 tại Văn bản số 2412/GPMT-TTX1 ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín quy mô 20.000 con heo thịt/lứa, vị trí thực hiện tại ấp Hòa Đông A, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 347./TTr-STNMT ngày 14 tháng 04 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 398/GPMT-UBND ngày 06 tháng 03 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Công ty TNHH đầu tư Trang trại Xanh 1, địa chỉ tại thửa đất số 883, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại ấp Hòa Đông A, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép điều chỉnh này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 398/GPMT-UBND ngày 06 tháng 03 năm 2023.

Điều 2. Công ty TNHH đầu tư Trang trại Xanh 1 tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 398/GPMT-UBND ngày 06 tháng 03 năm 2023 và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh này.

Điều 3. Giấy phép môi trường điều chỉnh này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 398/GPMT-UBND ngày 06 tháng 03 năm 2023 của UBND tỉnh hết hiệu lực. /

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Ct, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Tân Biên;
- UBND xã Hòa Hiệp;
- Đăng tải trên website Sở TNMT;
- LĐVP, CVK
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

8

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

Phụ lục
NỘI DUNG GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh số .16.Q../GPMT – UBND
ngày 19 tháng 1 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

I. ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG CẤP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Điều chỉnh nội dung liên quan đến công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải tại Mục 1 Phần B Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 398/GPMT-UBND

- Bổ sung hồ thu gom nước thải (tách phân) vào mạng lưới thu gom, xử lý nước thải tại Mục 1.1 Phần B Phụ lục 1:

Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi (gồm: nước tiểu của heo, nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng nuôi, nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi, nước thải sát trùng xe ra vào, nước thải từ quá trình ép phân heo, ủ xác heo) → hồ thu gom → Bể biogas → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất xử lý 600 m³/ngày.đêm.

- Bổ sung các bể xử lý hóa lý và bể sinh học vào quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Mục 1.2.1 Phần B Phụ lục 1:

Quy trình, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất xử lý 600 m³/ngày.đêm: nước thải chăn nuôi → hồ thu gom tách phân → bể biogas → hồ lắng sinh học → (Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại và nước thải chăn nuôi) Bể điều hòa → Tháp Stripping → Bể trung hòa → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể Anoxic 1 → Bể Aerotank 1 → Bể Anoxic 2 → Bể Aerotank 2 → Bể lắng sinh học → Bể phản ứng 1 → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2A/2B → Bể lắng hóa lý 2 → Ao sinh học → QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A → Trạm xử lý nước sạch, công suất 600m³/ngày.đêm.

- Bổ sung, điều chỉnh kích thước các hạng mục công trình, thiết bị xử lý nước thải tại Mục 1.2.2 Phần B Phụ lục 1:

+ 01 hồ thu gom tách phân, kích thước: 12m x 12m x 6,7m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, quét chống thấm.

+ 01 hồ lược phân có kích thước 3,5m x 6,4m x 3,7m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, quét chống thấm.

+ 01 bể biogas, dung tích 16.917 m³, phủ bạt HDPE dày 1mm.

+ 01 hồ lắng sinh học, kích thước 50m x 80m x 6m, phủ bạt HDPE dày 1mm.

+ 01 bể điều hòa, kích thước: 9m x 7,45m x 3,1m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, quét chống thấm.

+ 01 cụm tháp stripping, kích thước: 8,75m x 5,5m x 0,2m, kết cấu vật liệu Inox 304.

+ 01 bể trung hòa, kích thước 4,5m x 4,5m x 4,5m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, quét chống thấm.

+ 01 bể keo tụ 1, kích thước 1,35m x 1,325m x 4,5m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, quét chống thấm.

+ 01 bể tạo bông 1, kích thước 1,35m x 1,325m x 4,5m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, quét chống thấm.

+ 01 bể lắng hóa lý 1, kích thước 4,5m x 4,5m x 4,5m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, quét chống thấm.

+ 01 bể anoxic 1, kích thước 1,275m x 6,1m x 4,5m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, quét chống thấm.

+ 01 bể aerotank 1, kích thước 1,75 m x 1,25m x 4,5m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, quét chống thấm.

+ 01 bể anoxic 2, kích thước: 8,2m x 4,5m x 4,5m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, quét chống thấm.

+ 01 bể aerotank 2, kích thước: 12,75m x 8,2m x 4,5m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, quét chống thấm.

+ 01 bể lắng sinh học, kích thước: 5m x 5m x 4,5m kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, quét chống thấm.

+ 01 bể phản ứng, kích thước: 2,375m x 2,375m x 4,5m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, quét chống thấm.

+ 01 bể keo tụ 2, kích thước: 2,375m x 2,375m x 4,5m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, quét chống thấm.

+ 01 bể tạo bông 2A, kích thước: 4,5m x 2,95m x 4,5m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, quét chống thấm.

+ 01 bể tạo bông 2B, kích thước: 4,5m x 2,95m x 4,5m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, quét chống thấm.

+ 01 bể lắng hóa lý 2, kích thước: 4,5x 4,5m x 4,5m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, quét chống thấm.

+ 01 ao sinh học, kích thước 50m x 70m x 6m, phủ bạt HDPE dày 1mm.

II. ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Điều chỉnh nội dung liên quan đến nguồn phát sinh khí thải, bụi tại Mục 1 Phần A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 398/GPMT-UBND

Đầu tư 01 máy nghiền xác heo và bố trí khu ủ xác heo thay cho hầm tiêu hủy, bổ sung 01 máy phát điện dự phòng có công suất 200 kVA, sử dụng nhiên liệu khí biogas để chạy máy phát điện. Các nội dung khác liên quan đến việc điều chỉnh này được thay đổi tương ứng, cụ thể như sau:

- Đối với nguồn phát sinh khí thải, bụi từ hoạt động đốt khí gas thừa và máy phát điện nêu tại Mục 1 Phần A Phụ lục 2:

+ Nguồn số 10: Khí thải từ hoạt động đốt khí gas thừa phát sinh từ bể biogas tại Dự án. Nguồn này phát thải khi vận hành hệ thống đốt khí gas thừa. Lưu lượng khí thải phát sinh từ hoạt động đốt khí gas thừa là 350m³/giờ.

+ Nguồn số 11: Khí thải từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng số 01 có công suất 250 kVA, sử dụng nhiên liệu dầu DO chạy máy phát điện. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện. Lưu lượng bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng là 1.250 m³/giờ.

+ Nguồn số 12: Khí thải từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng số 02 có công suất 200 kVA, sử dụng nhiên liệu khí biogas chạy máy phát điện. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện. Lưu lượng bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng

là $180 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Đối với vị trí xả khí thải, bụi từ hoạt động đốt khí gas thừa và máy phát điện nêu tại Mục 2.1 Phần A Phụ lục 2:

+ Nguồn khí thải số 10: tương ứng với ống thoát khí sau lò đốt khí gas thừa từ bể biogas tại dự án; tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực: $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°) $X = 1267547,5$; $Y = 549653,3$.

+ Nguồn khí thải số 11: tương ứng với dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng số 01 của dự án thoát ra bằng ống khói xả khí thải của máy phát điện dự phòng; tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực: $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°) $X = 1267536,8$; $Y = 549644,2$.

+ Nguồn khí thải số 12: tương ứng với dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng số 02 của dự án thoát ra bằng ống khói xả khí thải của máy phát điện dự phòng; tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực: $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°) $X = 1267533,8$; $Y = 549640,2$.

- Đối với lưu lượng xả khí thải lớn nhất từ hoạt động đốt khí gas thừa và máy phát điện nêu tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục 2:

+ Nguồn khí thải số 10: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $350 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

+ Nguồn khí thải số 11: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $1.250 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

+ Nguồn khí thải số 12: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $180 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Đối với phương thức xả khí thải, bụi nêu tại Mục 2.2.1 Phần A Phụ lục 2

+ Nguồn khí thải số 10: xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả gián đoạn, chỉ xả thải khi vận hành lò đốt khí gas thừa từ bể biogas.

+ Nguồn khí thải số 11 và số 12: xả ra môi trường qua ống khói, xả gián đoạn, chỉ xả thải khi vận hành máy phát điện dự phòng.

- Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục 2, điều chỉnh nội dung:

Nguồn khí thải số 10 đến số 12 đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số $K_v = 1,0$; $K_p = 1,0$.

2. Điều chỉnh nội dung liên quan đến công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động liên tục tại Mục 1 Phần B Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 398/GPMT-UBND

Đầu tư 01 máy nghiền xác heo và bố trí khu ủ xác heo thay cho hầm tiêu hủy, bổ sung 01 máy phát điện dự phòng có công suất 200 kVA, sử dụng nhiên liệu khí biogas để chạy máy phát điện. Các nội dung khác liên quan đến việc điều chỉnh này được thay đổi tương ứng, cụ thể như sau:

- Đối với mạng lưới thu gom khí thải từ hoạt động đốt khí gas thừa và máy phát điện nêu tại Mục 1.1 Phần B Phụ lục 2:

+ Nguồn khí thải số 10: khí thải từ lò đốt khí gas thừa biogas từ bể biogas tại Dự án theo đường ống thoát khí $\varnothing 450 \text{ mm}$ cao 20m so với mặt đất.

+ Nguồn khí thải số 11: khí thải từ máy phát điện dự phòng số 01 có công suất 250 KVA vận hành khi có sự cố mất điện được thu gom thoát ra ngoài môi trường theo đường ống $\varnothing 160 \text{ mm}$ cao 5m, vật liệu Inox SUS304, độ dày 2mm.

+ Nguồn khí thải số 12: khí thải từ máy phát điện dự phòng số 02 có công suất 200 KVA vận hành khi có sự cố mất điện được thu gom thoát ra ngoài môi trường theo đường ống $\varnothing 90 \text{ mm}$ cao 3m, vật liệu Inox SUS304, độ dày 2mm.



- Đối với công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải từ hoạt động đốt khí gas thừa và máy phát điện nêu tại Mục 1.2 Phần B Phụ lục 2:

+ Khí thải từ lò đốt khí gas từ bể biogas được thu gom về ống thoát khí, xả trực tiếp ra ngoài môi trường.

+ Khí thải từ máy phát điện dự phòng được thu gom về ống thải của máy phát điện, xả trực tiếp ra môi trường (Máy phát điện dự phòng sử dụng dầu DO và khí biogas nên không có hệ thống xử lý).

3. Điều chỉnh nội dung liên quan đến kế hoạch vận hành thử nghiệm tại Mục 2 Phần B Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 398/GPMT-UBND:

- Điều chỉnh nội dung: Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

III. ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Điều chỉnh nội dung liên quan đến cấp phép về tiếng ồn, độ rung tại Phần A Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 398/GPMT-UBND

Bổ sung 01 máy phát điện dự phòng có công suất 200 kVA, sử dụng nhiên liệu khí biogas để chạy máy phát điện. Các nội dung khác liên quan đến việc điều chỉnh này được thay đổi tương ứng, cụ thể như sau:

- Đối với nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy phát điện nêu tại Mục 1 Phần A Phụ lục 3:

+ Nguồn số 10: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng số 01 công suất 250 kVA

+ Nguồn số 11: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng số 02 công suất 200 kVA.

- Đối với vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy phát điện nêu tại Mục 2 Phần A Phụ lục 3:

+ Vị trí số 10: tương ứng với nguồn số 10 – tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X = 1267639,0; Y = 522246,2.

+ Vị trí số 11: tương ứng với nguồn số 11 – tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X = 1267633,0; Y = 522243,2.

IV. ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG CẤP PHÉP YÊU CẦU QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Điều chỉnh, bổ sung chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh tại Mục 1 Phần A Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 398/GPMT-UBND:

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Điều chỉnh tăng khối lượng phân heo phát sinh từ hoạt động của dự án, bổ sung khối lượng xác heo chết không do dịch bệnh và bùn từ biogas, vỏ bao bì, thùng carton và chai nhựa.

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/ngày)	Mã CTRCNTT
1	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (xác heo chết không do dịch bệnh)	Rắn	35	13 02 04
2	Phân động vật, phân bón hữu cơ thải	Rắn	5.180	14 01 12
3	Bùn từ biogas	Rắn	259	14 03 04

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/ngày)	Mã CTRCNTT
	Tổng cộng		5.474	

2. Điều chỉnh nội dung liên quan đến yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại tại Mục 2 Phần A Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 398/GPMT-UBND:

Bổ sung 01 tháp ủ phân để xử lý phân heo và thay đổi phương án xử lý xác heo chết không do dịch bệnh. Các nội dung khác liên quan đến việc điều chỉnh này được thay đổi tương ứng, cụ thể như sau:

- Đối với biện pháp xử lý phân heo, điều chỉnh nội dung:

Phân heo và nước tiểu phát sinh từ hoạt động chăn nuôi heo được thu gom cùng với nước thải vệ sinh chuồng nuôi theo đường dẫn nước thải dẫn về hố gom phân. Tại đây, phân heo được thu gom, tập trung tại nhà ép phân; nước thải ép phân được đưa vào bể Biogas để xử lý yếm khí.

Trong nhà ép phân, có bố trí 01 máy ép tách phân chuyên dụng. Toàn bộ phân sau khi ép được đưa vào 01 tháp ủ phân có thể tích $66m^3$, mục đích giảm độ ẩm, tiêu diệt nấm, mầm bệnh và kích thích vi sinh vật có lợi phát triển. Phân sau khi ủ sẽ được đóng bao cho vào kho chứa để lưu giữ (phun chế phẩm EM tại nhà chứa phân) và được sử dụng nội bộ cho cánh đồng lúa A An tại Miền Tây. (Trường hợp dư thừa hoặc chưa sử dụng Công ty hợp đồng với đơn vị có nhu cầu sử dụng. Đơn vị thu gom khi vận chuyển phân heo ra khỏi trang trại đến nơi xử lý phải sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dụng. Tần suất chuyển giao phân heo sau xử lý với đơn vị có chức năng khoảng 1 ngày/lần.)

Công ty bố trí nhà chứa phân với diện tích $69,16 m^2$, kết cấu tường gạch, mái che nền được bê tông hóa, đảm bảo cho quá trình ép và lưu trữ phân.

- Đối với biện pháp xử lý heo chết không do dịch bệnh, điều chỉnh nội dung:

Công ty đầu tư 01 máy nghiền xác heo công suất 1.000 kg. Xác heo chết sẽ được đưa vào máy bằng thang nâng, tại đây xác heo sẽ được nghiền sơ bộ từ 3 - 5 phút, sau đó cho thêm phụ gia (vỏ cám) khoảng 20 - 25% khối lượng gia súc với mục đích làm giảm độ ẩm và thời gian sấy. Sau khi nghiền xong nguyên liệu máy sẽ chuyển sang chế độ sấy khô ở nhiệt độ $170^{\circ}C$, đảm bảo xác động vật được tiệt trùng hoàn toàn, loại bỏ mọi nguy cơ lây lan dịch bệnh. Sau 10 - 15 giờ thành phẩm sẽ được lấy ra cho vào bao chứa. Thành phẩm sau xử lý có độ ẩm từ 5 - 6% với khối lượng giảm còn 8 - 10% khối lượng ban đầu. Thành phẩm sau đó được bán cho đơn vị, cá nhân có nhu cầu làm thức ăn cho cá.

Trường hợp máy nghiền xác heo cần bảo trì sửa chữa, xác heo chết không do dịch bệnh tại dự án được xử lý theo phương án sau: bố trí khu ủ xác heo có diện tích $340m^2$ được chia thành 13 ô mỗi ô có diện tích $15 m^2$ ($2,5m \times 6m$ chiều cao $2m$); xác heo sẽ lần lượt cho vào mỗi ô cho đến khi đầy sẽ chuyển sang ô tiếp theo. Quy trình ủ xác heo: đầu tiên rải 1 lớp mùn cưa, tro, trấu dày 20-25cm trên nền bê tông sau đó đặt xác heo đã được phun chế phẩm sinh học lên lớp mùn cưa, tro, trấu và phủ tiếp một lớp mùn cưa, tro, trấu dày 20-35cm lên trên xác heo; định kỳ phun chế phẩm khử mùi EM 2 lần/ngày. Sau khoảng 1 tháng xác heo sẽ được phân hủy hoàn toàn và phần giá mùn cưa, trấu này được tái sử dụng nhiều lần và sẽ được tận dụng để chuyển về nhà máy phân bón vi sinh sản xuất phân bón sử dụng nội bộ cho cánh đồng lúa A

AN tại Miền Tây. Nước rỉ từ quá trình phân hủy xác heo: Công ty bố trí hố gas thu gom nước rỉ và đặt ống dẫn về hố City để bơm về bể biogas để tiếp tục xử lý.

V. CÁC YÊU CẦU VÀ ĐIỀU KIỆN KÈM THEO (NẾU CÓ) ĐỐI VỚI NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

- Việc điều chỉnh bổ sung hồ thu gom; điều chỉnh quy trình công nghệ và kích thước các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung; đầu tư 01 máy nghiền xác heo và bố trí khu ủ xác heo thay cho hầm tiêu hủy; bổ sung 01 máy phát điện dự phòng có công suất 200 kVA (sử dụng nhiên liệu khí biogas để chạy máy phát điện); không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải; cập nhật bảng danh mục chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh; thay đổi biện pháp xử lý phân heo và xác heo hết không do dịch bệnh nhằm đảm bảo công tác quản lý, bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động chăn nuôi của Dự án ngày càng tốt hơn, phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải.

- Yêu cầu Công ty TNHH đầu tư Trang trại Xanh 1 thực hiện đúng các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này; các nội dung khác của Giấy phép môi trường số 398/GPMT-UBND ngày 06/03/2023 của UBND tỉnh và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.